TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 143/2023/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/6/2023.
V/v tranh chấp HNGĐ - Ly hôn nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Tâm.

2. Ông Lê Đức Thụy.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Thảo - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Ông Hồ Thanh Hiền – kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 172/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hôn nhân gia đình "Ly hôn – nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 145/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bé T, sinh năm 1982; cư trú: ấp LT, xã LG, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Có đơn xin vắng mặt.

2. Bị đơn: Ông Lê Văn T1, sinh năm 1980; Nơi cư trú: ấp LT, xã LG, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà T trình bày: Bà và ông Lê Văn T1 do quen biết, tìm hiểu và tiến tới hôn nhân năm 2004, có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng chung sống đến cuối năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, ông T1 thường hay ghen tuông vô cớ, đánh đập nhận thấy tình cảm không còn nên yêu cầu được ly hôn với ông Lê Văn T1.

Về con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Tiết A, sinh ngày 08/01/2005 đã trưởng thành; Lê Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 16/8/2009 hiện đang sống với ông T1; cháu Lê Nguyễn Ánh N, sinh ngày 16/8/2009 hiện đang sống với bà, khi ly hôn bà T đồng ý để ông T1 tiếp tục nuôi cháu Lê Nguyễn Ngọc A1, yêu

cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Ánh N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Riêng cháu Nguyễn Tiết A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn và ông Lê Văn T1 đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng nhưng vắng mặt không có lý do và cũng không có ý kiến gởi đến Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt là đúng quy định. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Về hôn nhân: bà T, ông T1 kết hôn và có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Vợ chồng sống chung sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và không còn chung sống với nhau từ năm 2021, nhận thấy tình cảm không còn, bà T yêu cầu ly hôn; vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Tiết A, sinh ngày 08/01/2005 đã trưởng thành; Lê Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 16/8/2009 hiện đang sống với ông T1; cháu Lê Nguyễn Ánh N, sinh ngày 29/01/2015 hiện đang sống với bà T, khi ly hôn bà T đồng ý để ông T1 tiếp tục nuôi cháu Lê Nguyễn Ngọc A1, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Ánh N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. ông T1 không có ý kiến phản hồi và không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn hạnh phúc vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được, nên việc bà T xin ly hôn với ông T1 và yêu cầu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Ngọc A1 là phù hợp Điều 56, 80, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có, nên không đề cập giải quyết. Riêng cháu Nguyễn Tiết A đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn có nơi cư trú tại xã Long Giang, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; Bị đơn được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 để tham gia phiên tòa, nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là có căn cứ.

[2].Về nội dung tranh chấp: bà T ông T1 kết hôn và có đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên quan hệ hôn nhân giữa được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo bà T trình bày, trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cuộc sống ông T1 hay ghen tuông vô cớ nên từ đó vợ chồng thường hay cải nhau vợ chồng không còn chung sống từ năm

2021 cho đến nay. Nhận thấy, tình cảm không còn, bà T yêu cầu ly hôn với ông T1. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án về việc bà T yêu cầu ly hôn và triệu tập ông T1 tham gia các phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải và tham gia phiên tòa, nhưng ông T1 vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản đối yêu cầu ly hôn của bà T. Xét thấy, mâu thuẫn giữa bà T, ông T1 nguyên nhân do ông T1 không T1 tưởng bà T trong các mối quan hệ nên vợ chồng thường xảy ra mâu thuẫn và không còn chung sống từ năm 2021 cho đến nay. Trong thời gian này, hai bên cũng không tạo điều kiện cho nhau hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà T xin ly hôn ông T1.

[3] Về quan hệ con chung: vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Tiết A, sinh ngày 08/01/2005 đã trưởng thành; Lê Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 16/8/2009 hiện đang sống với ông T1; cháu Lê Nguyễn Ánh N, sinh ngày 29/01/2015 hiện đang sống với bà T, khi ly hôn bà T đồng ý để ông T1 tiếp tục nuôi cháu Lê Nguyễn Ngọc A1, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên Lê Nguyễn Ánh N, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Ông T1 không có ý kiến phản hồi Xét thấy, từ khi vợ chồng không còn sống chung với nhau, cháu Ánh Ngọc do ông T1; cháu Ngọc Ánh do bà T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cuộc sống đã ổn định, trong quá trình giải quyết ông T1 cũng không có ý kiến phản đối, nguyện vọng cháu Ánh Ngọc cũng mong muốn được tiếp chung sống với ông T1. Do đó, để ông T1 tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Ánh Ngọc, bà T chăm sóc nuôi dưỡng cháu Ngọc Ánh là phù hợp với pháp luật, các bên không phải cấp dưỡng nuôi con.

[4] Về quan hệ tài sản chung: không yêu cầu giải quyết.

[5] Về quan hệ nợ chung: không có.

[6] Án phí hôn nhân sơ thẩm: bà T phải chịu là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ: Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 56, 80, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Bé T xin ly hôn ông Lê Văn T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 61 ngày 10 tháng 5 năm 2013 do Ủy ban nhân dân phường Mỹ Đông, thành phố Phan Rang Tháp Chàm, tỉnh Ninh Thuận cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về quan hệ con chung:

Bà Nguyễn Thị Bé T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê

Nguyễn Ánh N, sinh ngày 29/01/2015; ông Lê Văn T1 không phải cấp dưỡng nuôi con.

Ông Lê Văn T1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Ngọc A1, sinh ngày 16/8/2009, bà Nguyễn Thị Bé T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà T, ông T1 cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

- Về quan hệ tài sản chung: các bên không yêu cầu giải quyết.

- Về quan hệ nợ chung: Không có. Ghi nhận việc bà T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân, thì bà T, ông T1 phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, bà Nguyễn Thị Bé T, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, theo biên lai thu số 0013381 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 21/3/2023.

Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày bản án được giao hoặc được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã Nơi đăng ký kết hôn.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Trần Thanh Bình